TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2477/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 03/11/2017
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Ông Mã Văn Trọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 03 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01892/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 537/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vương B; cư trú tại: đường K, Phường A, Quận C, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Nguyễn Mộng C; cư trú tại: đường T, Phường M, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2017, bản khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là ông Vương B trình bày: Ông và bà Nguyễn Mộng C chung sống với nhau từ năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, ông bà thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng về quan điểm sống, khác biệt về tính cách. Vì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đôi bên không thể thông cảm và chia sẻ với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà C.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Vương T sinh ngày 04/02/2007. Ông đồng ý giao con cho bà C nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Nguyễn Mộng C trình bày: Bà xác nhận quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng đúng như ông Bình đã trình bày. Do mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà chấp nhận yêu cầu của ông B.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Vương T sinh ngày 04/02/2007. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc "ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ vợ chồng: Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận đôi bên chung sống với nhau từ năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, các bên thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng về quan điểm sống, khác biệt về tính cách, cuộc sống chung không hạnh phúc. Do các đương sự không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có có một con chung tên Vương T sinh ngày 04/02/2007. Các đương sự thống nhất giao con cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng và nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/ tháng. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên ghi nhận.

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng và chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – ông Vương B:

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Vương B và bà Nguyễn Mộng C.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Mộng C trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ Vương T sinh ngày 04/02/2007. Ông Vương B cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B không thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì ông B còn phải trả cho bà C tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng ông Vương B phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003007 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Vương B còn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh